

Khung chương trình đào tạo Công nghệ vi mạch bán dẫn

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
I	Khôi học phần cốt lõi		
1	ICT1.001	<u>Tin học cơ sở</u>	3
2	MAT1.002	<u>Đại số tuyến tính</u>	4
3	MAT1.001	<u>Giải tích 1</u>	4
4	PHY1.001	<u>Vật lý đại cương 1</u>	4
5	ICT1.002	<u>Lập trình căn bản</u>	4
6	PHY1.002	<u>Vật lý đại cương 2</u>	4
7	ICT1.004	<u>Nhập môn giải thuật</u>	3
8	ICT1.003	<u>Kiến trúc máy tính</u>	3
9	MAT1.003	<u>Giải tích 2</u>	3
10	MAT1.005	<u>Phương pháp tính</u>	4
11	PHY1.003	<u>Điện từ trường</u>	4
12	PHY1.004	<u>Thực hành Vật lý</u>	2
13	SIC2.301	<u>Toán cho vật lý</u>	3
14	SIC2.208	<u>Lý thuyết chất rắn</u>	3
15	ATE2.006	<u>Kỹ thuật điện</u>	3
16	AMS2.210	<u>Cơ học thống kê</u>	4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
17	SIC2.201	<u>Điện tử tương tự</u>	3
18	SIC2.202	<u>Điện tử số</u>	3
19	SIC2.205	<u>Thiết bị điện tử</u>	3
20	SIC2.102	<u>Vi xử lý và vi điều khiển</u>	3
21	AMS2.208	<u>Bán dẫn</u>	3
22	SIC2.112	<u>Cảm biến và công nghệ đo lường</u>	3
23	SIC2.302	<u>Hệ thống nhúng</u>	4
24	SIC2.203	<u>Thực hành điện tử 1</u>	2
25	SIC2.204	<u>Thực hành điện tử 2</u>	3
26	SIC2.113	<u>Nhập môn kỹ thuật vi điện tử và công nghệ nano</u>	3
27	MST2.011	<u>Tín hiệu và hệ thống</u>	3
28	AMS2.306	<u>Phương pháp chế tạo vật liệu micro/nano</u>	3
29	SIC3.506	<u>Thực hành vi xử lý và vi điều khiển</u>	3
30	SIC3.114	<u>Xử lý tín hiệu số</u>	3
31	SIC3.508	<u>Công nghệ chế tạo bán dẫn</u>	3
32	SIC3.999	<u>Thực tập tốt nghiệp</u>	15
33	SIC2.402	<u>Tin học ghép nối</u>	3
34	FR2.001	<u>Tiếng Pháp 2.1</u>	4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
35	FR2.002	<u>Tiếng Pháp 2.2</u>	4
II	Khối học phần tự chọn 1		
36	SIC3.104	<u>Thiết kế mạch tích hợp tương tự</u>	3
37	SIC3.202	<u>Thiết kế mạch tích hợp số</u>	3
38	SIC3.512	<u>Thực hành phòng sạch</u>	3
39	SIC3.601	<u>Mạng truyền thông công nghiệp và Internet vạn vật</u>	3
40	SIC3.510	<u>Thiết kế số nâng cao và thiết kế dựa trên FPGA</u>	3
41	SIC3.511	<u>Công nghệ màng mỏng</u>	3
42	SIC3.513	<u>Vật liệu tiên tiến và các thiết bị MEMS</u>	3
43	SIC3.514	<u>Công nghệ chân không</u>	3
44	SIC3.515	<u>Công cụ hiện đại để kiểm soát chất lượng</u>	3
45	SIC3.507	<u>Thực hành khảo sát, đo đặc bán dẫn</u>	3
46	SIC3.516	<u>Cơ sở đóng gói vi điện tử</u>	3
47	SIC3.517	<u>Xây dựng quy trình kiểm tra</u>	3
48	AMS3.307	<u>Kỹ thuật phân tích vật liệu 1</u>	3
49	AMS3.310	<u>Kỹ thuật phân tích vật liệu 2</u>	3
50	SIC3.990	<u>Dự án nhóm</u>	6
51	AMS2.205	<u>Vật lý chất rắn</u>	3

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
52	AMS3.009	<u>Vật lý Plasma và ứng dụng</u>	3
53	ICT2.003	<u>Lập trình hướng đối tượng</u>	3
54	AMS3.006	<u>Vật liệu cho chuyển hóa và tích trữ năng lượng</u>	3
55	AMS3.209	<u>Quang điện tử và quang tử nano</u>	3
56	SIC3.600	<u>Lập trình ứng dụng</u>	3
57	SIC2.111	<u>Mô phỏng thiết bị điện tử</u>	3
58	AMS3.005	<u>Quang tử Silic</u>	3
59	SIC3.509	<u>Điện tử trường trong vi điện tử</u>	3
60	SIC3.610	<u>Bộ nhớ non-volatile</u>	3
61	CHE1.001	<u>Hóa đại cương 1</u>	4
62	CHE1.002	<u>Hóa đại cương 2</u>	4
63	PHI1.001	<u>Triết học</u>	3
III	Khối học phần tự chọn 2		
IV	Học phần điều kiện		
1	QP1.001	An ninh quốc phòng	0